

Số: 1045/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học  
ngành Luật kinh tế

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 918/QĐ-BKHĐT ngày 19/05/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐHVCSPT ngày 02/11/2021 của Hội đồng Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 1023/QĐ-HVCSPT ngày 25/08/2023 của Giám đốc Học viện Chính sách và phát triển về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế;

Căn cứ đề xuất của Khoa Luật kinh tế và Biên bản thông qua các chương trình đào tạo cập nhật năm 2023 của Hội đồng khoa học và đào tạo Học viện.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế, áp dụng từ Khóa 14 tuyển sinh năm 2023. (có mô tả chương trình đào tạo chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Luật kinh tế, Người đứng đầu các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám đốc Học viện (để chỉ đạo t/h);
- Các đơn vị thuộc Học viện;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (04 bản).

GIÁM ĐỐC

PGS,TS. Trần Trọng Nguyên

# **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1045/QĐ-HVCSPT ngày 29 tháng 08 năm của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

## **PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **A. Một số thông tin về chương trình đào tạo**

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: LUẬT KINH TẾ

Tên tiếng Anh: ECONOMIC LAW

- Mã số ngành đào tạo: 7380107

- Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

- Thời gian đào tạo: 04 NĂM

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Luật Kinh tế

Tên tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Economic Law

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Luật Kinh tế, Học viện Chính sách và Phát triển.

### **B. Mục tiêu đào tạo**

#### **1. Mục tiêu**

##### ***1.1. Mục tiêu chung***

Đào tạo cử nhân đại học ngành Luật Kinh tế theo định hướng ứng dụng, có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản lý kinh tế; có kiến thức chuyên sâu về pháp luật trong các lĩnh vực kinh tế đặc biệt chú trọng pháp luật doanh nghiệp, pháp luật đầu tư, luật thương mại quốc tế; có tư duy khoa học, độc lập và sáng tạo; có khả năng tự nghiên cứu bổ sung kiến thức, tích lũy kinh nghiệm nghề nghiệp.

##### ***1.2. Mục tiêu cụ thể***

###### ***1.2.1. Về kiến thức***

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực tư tưởng chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế học, chính sách công và pháp luật và nhà nước cũng như khả năng phân tích, đánh giá và nhìn nhận các vấn đề cơ bản đó trong bối cảnh thực tiễn Việt Nam hiện nay;

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu gồm: lý thuyết, nguyên lý và phương pháp vận dụng các kiến thức trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, pháp lý, có khả năng tự cập nhật những thay đổi của pháp luật sau khi tốt nghiệp.

#### *1.2.2. Về kỹ năng*

- Chương trình đào tạo định hướng sinh viên đạt được những kỹ năng chuyên môn cơ bản như: áp dụng các quy định pháp luật để giải quyết các công việc hàng ngày; đảm bảo tuân thủ đúng pháp luật, tránh các rủi ro pháp lý; tư vấn, soạn thảo các văn bản pháp lý liên quan tới doanh nghiệp trong giao dịch, hợp đồng, đầu tư; đề xuất phương án và tham gia xử lý những tình huống pháp lý phát sinh trong kinh doanh, cạnh tranh, giải quyết tranh chấp kinh tế;

- Cung cấp cho sinh viên cơ hội thực hành nghề nghiệp trong quá trình học bao gồm: vận dụng kiến thức nghiệp vụ trong học tập và công tác;

- Hình thành cho sinh viên khả năng làm việc độc lập, giải quyết công việc; khả năng thuyết trình; tham gia cộng tác, liên hệ học hỏi trao đổi, làm việc; có ý thức hợp tác, trung thực, chủ động trong làm việc nhóm; có bản lĩnh trình bày quan điểm riêng trong việc giải quyết những vấn đề pháp lý.

#### *1.2.3. Về thái độ*

- Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức tổ chức kỷ luật; tinh thần cầu thị, chủ động, sáng tạo, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc.

#### *1.2.4. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp*

*Vị trí việc làm chương trình đào tạo:* cán bộ pháp lý, cán bộ quản trị trong doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế; cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước hoặc cơ quan tư như công ty luật hay văn phòng công chứng; nghiên cứu viên, giảng viên giảng dạy trong các cơ sở nghiên cứu, đào tạo luật; nghiên cứu, thực hành pháp luật tại các đơn vị dịch vụ tư vấn pháp luật, các tổ chức xã hội.

#### *Nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:*

- Trong các cơ quan chính quyền các cấp, gồm các cơ quan trung ương và địa phương, đảm nhiệm vai trò công chức, cán bộ nghiên cứu, soạn thảo chính sách, dịch vụ công, tổ chức thực thi pháp luật về kinh tế, tài chính, đất đai, môi trường; có thể đảm nhiệm các chức danh tư pháp trong các cơ quan kiểm sát, tòa án, thi hành án;

- Trong doanh nghiệp, tổ chức kinh tế với vai trò chuyên gia pháp lý trong lĩnh vực thương mại, đầu tư trong nước và quốc tế, hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, các vấn đề liên quan đến bảo hộ sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp;

- Cơ quan nghiên cứu, giảng dạy, làm việc trong các viện nghiên cứu quản lý hành chính nhà nước;

- Độc lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, các tổ chức tư vấn và dịch vụ pháp lý;

- Các tổ chức chính trị, chính trị- xã hội: các cơ quan Đảng các cấp và tổ chức chính trị - xã hội, cộng tác tại các tổ chức quốc tế liên chính phủ và các tổ chức quốc tế phi chính phủ tại các nước và tại Việt Nam (đảm nhiệm các công việc liên quan đến các lĩnh vực của công pháp, tư pháp quốc tế).

### ***1.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học***

- Đạt trình độ về ngoại ngữ: theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Có khả năng nghe, nói, đọc viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Đạt trình độ tin học: chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

## **2. Thông tin tuyển sinh**

- Tất cả thí sinh đã tốt nghiệp THPT quốc gia hoặc tương đương.

- Tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

## **3. Điều kiện nhập học**

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Học viện.

## **PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **2.1. Chuẩn về kiến thức**

#### **A.1. Chuẩn đầu ra chung của Học viện**

1. CĐR 01: Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn;

2. CĐR 02: Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững và phân tích kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật;

3. CĐR 03: Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu;

4. CĐR 04: Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách;

5. CĐR 05: Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, phân tích được sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

#### **A.2. Chuẩn đầu ra chung ngành**

6. CĐR 06: Hiểu về nguyên tắc và tổ chức hệ thống cơ quan quản lý hành chính nhà nước, nhân sự trong bộ máy hành chính, vận dụng pháp luật trong thực hiện thủ tục hành chính, xử lý vi phạm hành chính, khiếu nại và tố cáo;

7. CĐR 07: Hiểu về quan hệ dân sự, vận dụng quy định pháp luật dân sự trong các vấn đề thực tiễn phát sinh liên quan tới giao dịch dân sự, hợp đồng, nghĩa vụ, thừa kế...; hiểu về trình tự tố tụng dân sự;

8. CĐR 08: Hiểu và vận dụng các quy định về tội phạm, cấu thành tội phạm, trách nhiệm hình sự, hình phạt; hiểu về trình tự tố tụng hình sự.

#### **A.3. Chuẩn đầu ra riêng của chuyên ngành**

9. CĐR 09: Hiểu, vận dụng và có khả năng phân tích pháp luật về các loại hình doanh nghiệp và quy trình thành lập, tái cơ cấu, giải thể, phá sản doanh nghiệp; có khả năng đánh giá tình huống pháp luật doanh nghiệp;

10. CĐR 10: Hiểu, vận dụng và có khả năng phân tích pháp luật về quan hệ thương mại, quyền và nghĩa vụ của thương nhân; hợp đồng mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; xúc tiến thương mại;

11. CĐR 11: Hiểu, vận dụng và có khả năng phân tích pháp luật về các hình thức đầu tư, quy trình và thủ tục đầu tư và đầu tư ra nước ngoài, lưu chuyển vốn đầu tư và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, các hiệp định về đầu tư; các hình thức đầu tư có sử dụng vốn của Nhà nước; có khả năng đánh giá tình huống pháp luật đầu tư;

12. CDR 12: Hiểu, vận dụng và có khả năng phân tích pháp luật về các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế, xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật trong tư pháp quốc tế; thương mại quốc tế, hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế;

13. CDR 13: Hiểu, vận dụng và có khả năng phân tích pháp luật về các lĩnh vực pháp luật khác như: pháp luật đấu thầu; pháp luật lao động, pháp luật sở hữu trí tuệ, đất đai, môi trường, giao dịch điện tử; bảo hiểm; cạnh tranh; tài chính – ngân hàng...

## **2.2. Chuẩn về kỹ năng**

### **B.1. Chuẩn đầu ra về kỹ năng nghề nghiệp**

14. CDR 14: Hiểu và vận dụng kỹ năng soạn thảo văn bản: hồ sơ thủ tục hành chính; hợp đồng dân sự, di chúc, đơn khởi kiện và văn bản khác trong quan hệ dân sự; đơn khiếu nại, đơn tố cáo trong quan hệ hành chính;

15. CDR 15: Hiểu và vận dụng kỹ năng tư vấn, đàm phán: tư vấn, đàm phán hợp đồng thương mại, hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, đánh giá và giải quyết tranh chấp thương mại;

16. CDR 16: Hiểu và vận dụng kỹ năng giao tiếp và thuyết trình: hùng biện, phản biện, tranh luận; làm việc nhóm; nghiên cứu khoa học, phát hiện và giải quyết các tình huống pháp lý.

### **B.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm**

17. CDR 17: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo;

18. CDR 18: Có khả năng nghe, nói, đọc viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Có khả năng sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

## **2.3. Chuẩn năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp**

19. CDR 19: Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp;

20. CDR 20: Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao; tinh thần tự chịu trách nhiệm, trung thực; thái độ hợp tác, sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.

## PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 3.1. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Tỷ lệ (%)
<b>1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC&amp;QP)</b>	<b>38</b>	<b>30%</b>
<b>2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>	<b>88</b>	<b>70%</b>
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>28</b>	<b>22%</b>
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	19	15%
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	9	7%
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>	<b>25</b>	<b>20%</b>
2.2.1. Ngành bắt buộc	16	13%
2.2.2. Ngành tự chọn	9	7%
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>25</b>	<b>20%</b>
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	16	13%
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	9	7%
<b>2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>10</b>	<b>8%</b>
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC &amp; GDQP)</b>	<b>126</b>	<b>100%</b>

### 3.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm TACB1, GDTC&amp;QP): 38 tín chỉ</b>				
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1
2	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	1
3	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
4	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
5	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1
6	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
7	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	2
8	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
9	THLĐ07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2

11	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
12	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
13	LUKT37	Logic học đại cương	3	4
14	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
15	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	5
16	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	
17	GDTC06	Giáo dục thể chất 1*	2	1
18	GDTC07	Giáo dục thể chất 2*	2	2
19	GDTC08	Giáo dục thể chất 3*	2	3
<b>2. Kiến thức giáo dục ngành</b>				
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 28 tín chỉ</b>				
<b>2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc: 19 tín chỉ</b>				
20	LULL07	Lý luận Nhà nước và Pháp luật	4	1
21	LUKT07	Luật Hiến pháp	3	2
22	CSCS11	Chính sách công	3	3
23	LUKT09	Luật Dân sự	4	3
24	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	4
25	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	5
<b>TT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Học kỳ</b>
<b>2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn: 09 tín chỉ</b>				
26	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
27	LUKT31	Tư duy pháp lý	3	3
28	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	3	4
29	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3	4
30	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	5
31	LUKT20	Luật Hiến pháp nước ngoài	3	6
<b>2.2. Kiến thức ngành: 25 tín chỉ</b>				
<b>2.2.1. Ngành bắt buộc: 16 tín chỉ</b>				
32	LUKT10	Luật Hành chính	3	2
33	LUKT08	Luật Hình sự	3	3
34	LUKT11	Luật Tố tụng Dân sự	3	5
35	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	6
36	LUKT19	Luật thương mại quốc tế	4	7



<b>2.2.2. Ngành tự chọn: chọn 09 tín chỉ</b>				
37	LUKT13	Công pháp quốc tế	3	5
38	LUKT21	Pháp luật cộng đồng ASEAN	3	5
39	LUKT14	Tư pháp quốc tế	3	6
40	LUKT24	Luật lao động	3	6
41	LUKT36	Luật Tố tụng Hình sự	3	6
42	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3	6
43	LUKT35	Kỹ năng soạn thảo văn bản	3	5
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành: 25 tín chỉ</b>				
<b>2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc: 16 tín chỉ</b>				
44	LUKT12	Pháp luật doanh nghiệp	3	4
45	LUKT26	Pháp luật về đầu tư	4	4
46	LUKT18	Luật thương mại	3	5
47	LUKT23	Luật cạnh tranh	3	7
48	LUKT17	Luật đầu tư quốc tế	3	7
TT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ
<b>2.3.2. Chuyên ngành tự chọn: chọn 09 tín chỉ</b>				
49	LUKT22	Pháp luật tài chính và ngân hàng	3	6
50	LUCS03	Luật và chính sách công	3	6
51	LUKT25	Luật sở hữu trí tuệ	3	7
52	LUKT28	Luật đất đai	3	7
53	LUKT29	Luật môi trường	3	7
54	LUKT32	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	3	7
55	LUKT38	Luật Hợp đồng	3	5
<b>2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ</b>			10	8
56	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
57	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
58	LUTN01	Pháp luật doanh nghiệp nâng cao	3	8
59	LUTN02	Pháp luật về đầu tư nâng cao	3	8
<b>TỔNG SỐ (Không bao gồm TACB1, GDTC &amp; Quốc phòng):</b>			<b>126</b>	

*Ghi chú: (\*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo*

### **3.3. Mô tả tóm tắt các học phần**

#### **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

#### **Kinh tế vi mô 1**

Học phần giới thiệu những lý thuyết, mô hình chủ yếu trong kinh tế học vi mô. Nội dung của mỗi bài học đều cập nhật những lý thuyết và công cụ phân tích kinh tế tiên tiến, tập trung vào các chuyên đề về hành vi tiêu dùng, hành vi sản xuất, các mô hình thị trường... đặc biệt có đưa vào các phân tích định lượng ở mức độ nhất định nhằm hỗ trợ các phân tích kinh tế và chính sách. Ngoài ra, học phần cũng đề cập đến những nội dung khác như sự tác động của các biến phi kinh tế khác, rủi ro và không chắc chắn, ... nhằm giúp cho người học có thể nắm bắt được các kiến thức trong kinh tế vi mô một cách đầy đủ và có hệ thống hơn. Các công cụ toán học và mô hình được sử dụng trong suốt học phần nhằm trình bày các vấn đề kinh tế vi mô như: sở thích, lợi ích, công nghệ, sản xuất, chi phí, lợi nhuận... một cách logic và hướng người học tới các phân tích định lượng về kinh tế.

#### **Tin học đại cương**

Học phần bao gồm những nội dung kiến thức và kỹ năng cơ bản như: Những kiến thức căn bản về máy tính, hệ điều hành; Những kỹ năng cơ bản về: Soạn thảo văn bản Microsoft Word, Bảng tính điện tử Excel, Trình chiếu PowerPoint, Quản trị cơ sở dữ liệu Access; Những thao tác cơ bản trong sử dụng và khai thác mạng, Internet.

#### **Toán cao cấp**

Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản của Đại số tuyến tính, như: Vectơ, không gian vectơ, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính. Học phần cũng giới thiệu một số ứng dụng của hệ phương trình tuyến tính trong việc xây dựng mô hình kinh tế: Mô hình cân bằng thị trường nhiều hàng hóa, Mô hình cân bằng nền kinh tế vĩ mô, đây là những kiến thức cần thiết để sinh viên theo học các học phần tiếp theo.

#### **Triết học Mác – Lênin**

Học phần trang bị cho người học nắm vững thế giới quan, phương pháp luận. Từ đó, giúp người học có quan điểm khách quan, quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ thể, quan điểm phát triển, quan điểm thực tiễn khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng. Qua đó, hình thành nhân sinh quan khoa học, góp phần cải tạo thế giới phát triển hợp quy luật.

#### **Tiếng Anh cơ bản 1**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người mới bắt đầu như động từ to be, thời hiện tại đơn, quá khứ đơn, các cách đặt câu hỏi để lấy thông tin ... Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, quê hương, đất nước ...

Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm phụ âm, nguyên âm, các âm phổ biến trong tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học về cách phát âm các dạng của động từ “to be”, các động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ.

### **Kinh tế Chính trị Mác – Lênin**

Học phần cung cấp nền tảng kiến thức chung về bản chất, các quy luật chi phối các hiện tượng, quá trình kinh tế, chính trị-xã hội. Giúp người học vận dụng các quy luật kinh tế-xã hội vào các hoạt động kinh tế, chính trị-xã hội nhằm đạt được hiệu quả cao; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Việc nắm vững kiến thức những nguyên lý, quy luật kinh tế-xã hội là hết sức quan trọng trong thực tiễn, góp phần quyết định thành công của bạn, dù bạn ở trên cương vị người làm chính sách, người quản lý doanh nghiệp, doanh nhân hay nhà đầu tư.

### **Kinh tế vĩ mô 1**

Học phần cung cấp cho người học những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô, trong đó trước hết là làm rõ các thuật ngữ, sau đó là các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản để giúp người học hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên sẽ được giới thiệu các nguyên lý cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng, tăng trưởng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, cũng như những nguyên lý ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô (chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ).

### **Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam**

Học phần thuộc lĩnh vực Khoa học chính trị, cung cấp và trang bị cho người học kiến thức cơ bản về hệ thống quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế-xã hội, văn hóa. Từ đó, giúp sinh viên nắm vững, kế thừa, bổ sung và phát triển vào thực xây dựng và phát triển đất nước; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

### **Tiếng Anh cơ bản 2**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người học ở trình độ cơ bản như động từ khuyết thiếu, thời quá khứ đơn, thời hiện tại tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn giản, các cách đặt câu với dạng thức so sánh hơn để miêu tả người trong văn nói và văn viết, kiến thức ngữ pháp về dự định tương lai và phân biệt được sự khác nhau giữa các cấu trúc “be going to” với “be planning to”/ “will”. Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày để nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, thế giới xung quanh, cách mua sắm và những vấn đề thường gặp khi mua sắm, cách giữ liên lạc, bình luận về các thể loại phim và nhận xét về một bộ phim yêu thích, du lịch tới một thành phố mơ ước, việc học tiếng Anh cho nghề nghiệp tương lai... Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

### **Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần thuộc lĩnh vực Khoa học chính trị, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết về chính trị-xã hội, văn hóa thời đại Hồ

Chí Minh sống và thực hành đạo đức cách mạng. Từ đó, vận dụng vào xây dựng xã hội mới, con người mới văn minh, tiến bộ. Học phần giúp cho người học có một nền tảng vững chắc cho tư duy lý luận đúng đắn, có một phương pháp luận cách mạng, khoa học để bạn học tập tốt các môn chuyên ngành cũng như sau này trong quá trình công tác của bản thân.

### **Tiếng Anh cơ bản 3**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, các mệnh đề tính từ và các trạng từ, tính từ, câu so sánh hơn và so sánh hơn nhất, phân biệt động từ nguyên thể và danh động từ,

Cách viết câu mở đoạn và câu kết đoạn trong một đoạn văn và phát triển viết một đoạn văn hoàn chỉnh bao gồm câu chủ đề, các câu triển khai trong đoạn và câu kết đoạn. Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và thực hành hội thoại nói về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống; các hoạt động cuối tuần; các loại phương tiện giao thông; làm thế nào để giữ sức khỏe; phim ảnh; du lịch... Cấu trúc của bài thi TOEIC quốc tế.

Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở trình độ cơ bản ở bậc A2 - B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam, tương đương 400 điểm bài thi TOEIC.

### **Logic học đại cương**

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản và có hệ thống về các hình thức cơ bản của tư duy như: khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh và các quy luật logic hình thức cơ bản của tư duy như: Luật đồng nhất, Luật cấm mâu thuẫn, Luật bài trung, Luật lý do đầy đủ. Từ đó, sinh viên thấy được cụ thể vai trò và sự tác động của tư duy logic trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Giúp người học có khả năng, tìm kiếm, nhận dạng và khắc phục những lỗi logic của tư duy trong quá trình phản ánh, đồng thời xây dựng được những phương pháp tư duy chính xác, chặt chẽ, khoa học cho mình. Học phần còn cung cấp cơ sở nền tảng cho một phương pháp tư duy đúng đắn, giúp người học có thể vận dụng nó trong việc lĩnh hội các khoa học khác và trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp một cách có hiệu quả.

### **Tiếng Anh cơ bản 4**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh như cấu trúc diễn đạt mong ước, ý định tương lai, thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, câu điều kiện. Những từ vựng được sử dụng để miêu tả kỳ nghỉ, ước mơ, hoài bão, các đặc điểm tự nhiên, địa lý. Kỹ năng làm bài thi TOEIC quốc tế: kỹ năng Đọc và Nghe. Học phần cung cấp cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ nghe, đọc, nói, viết ở bậc 3 (B1) trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam, tương đương với 500 điểm bài thi TOEIC.

### **Lý luận Nhà nước và Pháp luật**

Học phần Lý luận Nhà nước và Pháp luật nghiên cứu hai nội dung chính. Nội dung thứ nhất là những vấn đề lý luận chung về nhà nước và nhà nước CHXHCN Việt Nam như:

Nguồn gốc ra đời của nhà nước, kiểu nhà nước, hình thức nhà nước, bộ máy nhà nước. Giới thiệu tổng quát các kiểu nhà nước trước chủ nghĩa xã hội. Nghiên cứu Nhà nước CHXHCN Việt Nam về bản chất, đặc điểm của nhà nước, tổ chức bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam.

Nội dung nghiên cứu thứ hai của học phần là nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về pháp luật như nguồn gốc, bản chất, khái niệm, đặc điểm của pháp luật; hình thức pháp luật và các kiểu pháp luật của các nhà nước từ trước đến nay. Cung cấp các kiến thức cơ bản về pháp luật như: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện và áp dụng pháp luật, cơ chế thực hiện pháp luật, hệ thống pháp luật. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu rõ về các vấn đề pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là nền tảng kiến thức để sinh viên tiếp tục nghiên cứu các môn luật học chuyên ngành khác.

### **Luật Hiến pháp**

Học phần có nội dung nghiên cứu lý luận chung về ngành luật Hiến pháp và Hiến pháp; Quá trình hình thành và phát triển của Hiến pháp Việt Nam; nghiên cứu các nhóm chế định cơ bản của ngành luật hiến pháp, như: Các chế định xác định nền tảng của xã hội Việt Nam về chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, đối ngoại, quốc phòng, an ninh; Quyền, nghĩa vụ cơ bản của con người và công dân Việt Nam sống trong xã hội Việt Nam; Việc tổ chức quyền lực nhà nước trong xã hội Việt Nam: Các chế định về tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam; Mọi quan hệ giữa các cơ quan trong bộ máy nhà nước; Pháp luật bầu cử.

### **Chính sách công**

Học phần gồm 6 chủ đề lớn: (i) tổng quan về chính sách công; (ii) các chủ thể hoạt động chính sách công; (iii) công cụ chính sách; (iv) hoạch định chính sách công; (v) thực thi chính sách công và (vi) đánh giá chính sách công. Sinh viên sẽ được giới thiệu thế nào là một chính sách công, và mối quan hệ giữa chính sách công và các chuyên ngành học khác. Ngoài ra mỗi sinh viên sẽ được tham gia tập viết bài viết chính sách công ngắn đây là cơ hội tốt để sinh viên rèn luyện kỹ năng viết và thảo luận hiệu quả.

### **Luật Dân sự**

Học phần Luật dân sự nghiên cứu những vấn đề cơ bản về luật dân sự: Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự, nhiệm vụ và những nguyên tắc cơ bản của luật dân sự, cách thức áp dụng pháp luật dân sự của các cơ quan nhà nước; quan hệ pháp luật dân sự, giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn và thời hiệu trong pháp luật dân sự. Trên cơ sở những vấn đề chung đó, học phần tiếp tục đi sâu nghiên cứu các chế định của luật dân sự Việt Nam là tài sản và quyền sở hữu; quyền thừa kế; nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự, các biện pháp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự, các hợp đồng dân sự thông dụng, trách nhiệm dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

### **Lý thuyết Tài chính tiền tệ**

Học phần Lý thuyết Tài chính tiền tệ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, về hệ thống tài chính quốc gia cũng như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để làm cơ sở cho sinh viên nghiên cứu những học phần chuyên ngành sau

này. Học phần Lý thuyết Tài chính tiền tệ có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong chương trình đào tạo như Ngân hàng thương mại, Ngân hàng trung ương, Quản lý tài chính công, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính quốc tế, ....

### **Nguyên lý kế toán**

Học phần gồm các nội dung cơ bản về lý thuyết hạch toán kế toán, Đối tượng kế toán; phương pháp chứng từ kế toán; phương pháp tính giá; phương pháp tài khoản; kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; phương pháp tổng hợp cân đối kế toán; Bộ máy kế toán và hình thức kế toán. Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản, làm bài tập thực hành.

### **Tư duy pháp lý**

Học phần này trang bị cho người học các kỹ năng tư duy pháp lý để có thể thích nghi trong mọi môi trường xã hội, rèn luyện cách thức suy nghĩ để tìm ra giải pháp cho một vụ tranh chấp phù hợp với luật lệ, hiểu rõ các vấn đề pháp lý và phương cách giải quyết nó.

### **Đấu thầu mua sắm 1**

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng cơ bản về đấu thầu như: Khái niệm đấu thầu, đặc điểm, vai trò, lợi ích của đấu thầu, phân loại đấu thầu, hình thức, phương thức và quy trình tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu cơ bản; cũng như cung cấp cho người học những kiến thức chung về quá trình hình thành và phát triển của đấu thầu trên thế giới và ở Việt Nam; Các quy trình đấu thầu cơ bản; Công tác tổ chức và quản lý nhà nước về đấu thầu ở Việt Nam; Những yêu cầu và nguyên tắc giải quyết các tình huống phát sinh trong công tác đấu thầu nhằm đảm bảo các nguyên tắc quan trọng trong đấu thầu là cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

### **Kinh tế quốc tế**

Học phần cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về nền kinh tế thế giới và các quan hệ kinh tế quốc tế trong các lĩnh vực như thương mại quốc tế, đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài, di chuyển lao động, thanh toán giữa các quốc gia cũng như một số vấn đề đang là tâm điểm quan tâm của toàn thế giới như toàn cầu hóa và ảnh hưởng của nó đến nền kinh tế các quốc gia, sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ. Học phần này sẽ đi tìm câu trả lời cho các câu hỏi về liên quan cấu trúc của nền kinh tế thế giới, sự tham gia của các quốc gia vào hoạt động kinh tế quốc tế, sự tác động qua lại giữa các chủ thể trong hoạt động kinh tế tầm vĩ mô...

### **Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh**

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về dữ liệu lớn, đặc trưng của dữ liệu lớn, quyền riêng tư và chính sách bảo mật của dữ liệu lớn, cách thức lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn bởi các công cụ như Hadoop, Spark, Python, R,... Ngoài ra, người học sẽ được tiếp cận tư duy phân tích dữ liệu, trực quan hóa dữ liệu (Data Visualization), xây dựng mô hình ra quyết định, các công nghệ áp dụng cho hỗ trợ ra quyết định kinh doanh, các hướng tối ưu dữ liệu cho kinh doanh, phân tích dữ liệu để thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp,...

### **Luật Hiến pháp nước ngoài**

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về các ngành luật hiến pháp điển hình

trên thế giới như: các vấn đề lý luận cơ bản về ngành luật hiến pháp và hiến pháp của các quốc gia trên thế giới, các hình thức chính thể và bộ máy nhà nước điển hình, chế định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, chế độ bầu cử, tổ chức và hoạt động của cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp và cơ chế bảo hiến của các hệ thống hiến pháp điển hình.

### **Luật Hành chính**

Học phần khái quát những vấn đề lý luận về Luật Hành chính Việt Nam và giới thiệu những quy định cơ bản của Luật Hành chính về: Hoạt động quản lý nhà nước; các chủ thể tham gia vào quản lý nhà nước như: cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức xã hội và cá nhân (công dân, người nước ngoài, người không quốc tịch); thủ tục hành chính và việc ban hành quyết định hành chính; vi phạm hành chính và chế độ xử lý vi phạm hành chính; chế độ pháp lý về thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; các biện pháp bảo đảm pháp chế XHCN trong quản lý nhà nước.

### **Luật Hình sự**

Học phần nghiên cứu phần chung của Luật hình sự Việt Nam bao gồm các vấn đề cơ bản như: các nguyên tắc cơ bản của Luật hình sự Việt Nam; tội phạm và cấu thành tội phạm; các giai đoạn thực hiện tội phạm; đồng phạm; những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi; trách nhiệm hình sự và hệ thống hình phạt; quyết định hình phạt; các chế định liên quan đến việc chấp hành hình phạt.

### **Luật Tố tụng Dân sự**

Luật Tố tụng Dân sự là học phần cơ bản của chương trình đào tạo cử nhân luật, cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý về trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức tại toà án, bảo đảm quyền bình đẳng giữa các đương sự, đặc biệt là quyền bình đẳng về giới trong tố tụng dân sự.

Đối tượng nghiên cứu của học phần là những vấn đề lý luận về Luật Tố tụng Dân sự, nội dung các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan tư pháp, bao gồm: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng Dân sự; thẩm quyền dân sự của toà án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án...

### **Tiếng Anh trong kinh doanh**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh doanh, bao gồm: Một số chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực kinh doanh; Những khái niệm cơ bản cũng như những thuật ngữ đặc trưng cho lĩnh vực kinh doanh; Các cấu trúc, các cụm từ thông dụng và mẫu tham khảo để viết CV và Cover Letter. Nội dung chương trình được thiết kế hiệu quả và phù hợp khách quan với yêu cầu thực tiễn, đảm bảo sau khi ra trường sinh viên có thể ứng dụng các kiến thức được cung cấp vào thực tế công việc.

### **Luật thương mại quốc tế**

Học phần Luật Thương mại quốc tế cung cấp những kiến thức về toàn cầu hóa kinh tế và quy định của WTO; sự cần thiết của các quy định quốc tế điều chỉnh thương mại quốc tế; các hiệp định thương mại song phương, đa phương và khu vực; các nguyên tắc cơ bản trong các quy định của WTO; nguồn luật của các quy định của WTO, WTO và pháp luật quốc gia, WTO và pháp luật quốc tế.

### **Công pháp quốc tế**

Công pháp quốc tế (Luật quốc tế) là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về hệ thống pháp luật quốc tế. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức về các ngành, chế định và những vấn đề cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế như luật điều ước quốc tế, luật biển quốc tế, luật ngoại giao, lãnh sự, luật tổ chức quốc tế, trách nhiệm pháp lý quốc tế...

### **Pháp luật cộng đồng ASEAN**

Pháp luật Cộng đồng ASEAN là học phần cung cấp cho người học những nội dung lý luận cơ bản về pháp luật Cộng đồng ASEAN đồng thời trang bị những kiến thức pháp lý cụ thể và quan trọng về: Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), hợp tác quốc phòng, tương trợ tư pháp hình sự, hợp tác phòng chống tội phạm xuyên quốc gia; Khu vực thương mại tự do ASEAN, khu vực đầu tư ASEAN, tự do hóa dịch vụ và lao động lành nghề; thu hẹp khoảng cách phát triển, xóa đói giảm nghèo, phát triển con người, xã hội và đảm bảo bền vững môi trường, tạo dựng bản sắc ASEAN; hợp tác ngoại khối; cơ chế giải quyết tranh chấp; thực tiễn thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam, vai trò của ASEAN trong phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo chủ quyền quốc gia và chủ trương, định hướng hội nhập ASEAN của Việt Nam.

### **Tư pháp quốc tế**

Tư pháp quốc tế là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật trong quan hệ dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài. Bên cạnh đó, học phần còn mang đến cho sinh viên hệ thống kiến thức về giải quyết tranh chấp dân sự quốc tế.

### **Luật lao động**

Học phần Luật lao động cung cấp cho sinh viên những kiến thức có hệ thống về ngành luật Lao động từ những vấn đề chung như đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật Lao động, nguồn luật, các nguyên tắc, quan hệ pháp luật lao động cho đến từng chế định cụ thể của ngành luật Lao động. Các nội dung cơ bản và quan trọng nhất về ngành Luật Lao động được đề cập chủ yếu trên cơ sở những quy phạm pháp luật lao động hiện hành. Ngoài ra, là một môn khoa học pháp lý nên học phần Luật Lao động còn cung cấp những vấn đề lý luận về pháp luật lao động, nghiên cứu luật Lao động trong quá trình hình thành qua các thời kỳ, mối quan hệ giữa luật lao động với những ngành luật khác và cả những quan điểm học thuyết về luật lao động.

### **Luật Tố tụng Hình sự**

Học phần Luật Tố tụng Hình sự (TTHS) là môn khoa học pháp lý cung cấp những kiến thức lý luận và thực tiễn về TTHS và khả năng áp dụng trong thực tế. Học phần này gồm



hai nội dung cơ bản: Những vấn đề lí luận chung về TTHS và những giai đoạn tố tụng cụ thể trong trình tự tố tụng giải quyết vụ án hình sự.

Học phần Luật Tố tụng Hình sự nghiên cứu các quy định của pháp luật và những quan điểm khoa học về tố tụng hình sự, về trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và một số quy định về thi hành án, quyết định của Tòa án chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong tố tụng hình sự; hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự.

### **Thị trường chứng khoán**

Học phần gồm các nội dung cơ bản về: Giới thiệu tổng quát về thị trường chứng khoán; phân loại chứng khoán; hoạt động của sở giao dịch chứng khoán; thị trường chứng khoán phi tập trung (OTC); các thành viên tham gia thị trường chứng khoán; các nghiệp vụ chủ yếu của thị trường chứng khoán; hệ thống thông tin chứng khoán; phân tích chứng khoán; quản lý và giám sát thị trường chứng khoán.

### **Kỹ năng soạn thảo văn bản**

Kỹ năng soạn thảo văn bản là học phần chuyên đề có tính ứng dụng, cung cấp những kiến thức cơ bản về văn bản hành chính thông dụng từ khái niệm, yêu cầu, chức năng... và kỹ năng soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng điển hình trong những tình huống cụ thể.

Học phần được chia thành 2 phần: (1) Phần lí thuyết tập trung giới thiệu một số nội dung cơ bản về văn bản hành chính thông dụng, kỹ năng soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng điển hình như: Công văn, tờ trình, báo cáo, biên bản, thông báo, nội quy, quy chế, đề án, kế hoạch... (2) Phần thực hành: Trên cơ sở lí thuyết được giới thiệu, sinh viên vận dụng và soạn thảo văn bản hành chính thông dụng để giải quyết các tình huống cụ thể.

### **Pháp luật doanh nghiệp**

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về đầu tư kinh doanh, đặc biệt tập trung đối với các hình thức đầu tư trực tiếp thành lập doanh nghiệp. Những nội dung chủ yếu của học phần bao gồm: Quy chế pháp lý chung về đăng ký thành lập và tổ chức quản lý doanh nghiệp; Những đặc điểm trong thành lập, hoạt động và cơ chế tổ chức, quản lý hoạt động của các loại hình doanh nghiệp và các chủ thể kinh doanh khác đang có trong pháp luật Việt Nam; Pháp luật về phá sản đối với doanh nghiệp và hợp tác xã.

### **Pháp luật về đầu tư**

Luật đầu tư là học phần chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về các hoạt động đầu tư kinh doanh. Sinh viên được tiếp cận nghiên cứu các nội dung chủ yếu sau: Hình thức đầu tư (khái niệm, phạm vi, các nguyên tắc của các hình thức đầu tư, mối quan hệ giữa quy định pháp luật với thực tiễn, giữa các văn bản quy phạm pháp luật với nhau...); Trình tự thủ tục đầu tư và sự cụ thể hóa của Nhà nước bằng pháp luật; Các biện pháp đảm bảo, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; Hoạt động đầu tư vào các tổ chức kinh tế, quy chế pháp lý về

các khu kinh tế đặc biệt; Cơ chế điều chỉnh hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Học phần được thiết kế đào tạo tin chỉ theo chuyên đề, giúp sinh viên giải quyết được 3 bậc nhận thức trong mỗi chuyên đề: (1) biết (nêu được khái niệm/nội dung...), (2) hiểu (phân tích được khái niệm, nội dung...), (3) làm (đánh giá được đặc thù và lý giải được tầm quan trọng và ý nghĩa của hình thức đầu tư, trình tự thủ tục đầu tư trong các lĩnh vực nhất định...; đánh giá được sự phù hợp/chưa phù hợp của các quy định pháp luật hiện hành và nêu được những giải pháp cần thiết để xử lý những điểm chưa phù hợp...).

### **Luật thương mại**

Luật Thương mại được thiết kế với mục tiêu giúp người học nghiên cứu nắm bắt được những nội dung cơ bản trong pháp luật về thương mại trên cả 3 lĩnh vực gồm sản xuất, mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ. Nội dung học phần được xây dựng phù hợp với kiến thức của giai đoạn 1, đi sâu vào những vấn đề về thương nhân, điều kiện đối với hàng hóa và dịch vụ trong kinh doanh thương mại, quy chế pháp lý đối với hoạt động mua bán hàng hóa, quy chế pháp lý đối với hoạt động cung ứng dịch vụ thương mại, giải quyết tranh chấp giữa các chủ thể phát sinh trong kinh doanh, thương mại.

### **Luật cạnh tranh**

Luật cạnh tranh đề cập những nội dung lý luận và thực tiễn pháp lý cơ bản như: hành vi cạnh tranh không lành mạnh; kiểm soát những hành vi hạn chế cạnh tranh, độc quyền, tập trung kinh tế, lạm dụng vị thế thống lĩnh thị trường; những hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm thực hiện; thẩm quyền của các cơ quan Nhà nước; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc cạnh tranh, biện pháp xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh.

### **Luật đầu tư quốc tế**

Học phần nghiên cứu chủ yếu về pháp luật điều chỉnh đầu tư quốc tế, nhằm tự do hóa đầu tư cũng như bảo hộ đầu tư nước ngoài, đồng thời cung cấp kiến thức về sự phát triển của pháp luật và các yếu tố thể chế, kinh tế và chính trị ảnh hưởng đến đầu tư quốc tế. Học phần nghiên cứu các loại nguồn luật điều chỉnh đầu tư quốc tế, như điều ước về đầu tư ở tầm toàn cầu, hiệp định đầu tư song phương (BITs), hiệp định đầu tư khu vực, tập quán quốc tế về đầu tư, án lệ quốc tế về đầu tư... Học phần cũng phân tích mối tương quan giữa luật trong nước với luật quốc tế và giữa các nguồn luật, cũng như vấn đề áp dụng chúng trong việc điều chỉnh quan hệ đầu tư quốc tế. Học phần dành thời gian đáng kể cho việc nghiên cứu các nguyên tắc pháp lý cơ bản và các khái niệm được áp dụng trong Luật đầu tư quốc tế, như tước đoạt tài sản của nhà đầu tư nước ngoài; tối huệ quốc; đối xử quốc gia; đối xử công bằng và thỏa đáng; cũng như các lợi ích đan xen, phức tạp của cả nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ nước tiếp nhận đầu tư được thể hiện thông qua mối quan hệ hợp đồng đầu tư quốc tế; và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

### **Pháp luật tài chính và ngân hàng**

Học phần nghiên cứu Luật tài chính dưới góc độ là một ngành Luật trong hệ thống pháp luật, bao gồm tập hợp các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tài chính của Nhà nước như việc tạo lập, hình thành và sử dụng quỹ ngân sách nhà nước, thu ngân sách, chi ngân sách, cân đối

ngân sách, các vấn đề về thuế.

Học phần trình bày các vấn đề lý luận về pháp luật ngân hàng trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Địa vị pháp lý, chức năng, nhiệm vụ của Ngân hàng nhà nước. Địa vị pháp lý, mô hình tổ chức và các hoạt động chính của các tổ chức tín dụng trong đó tập trung vào các ngân hàng. Hoạt động tín dụng của ngân hàng.

### **Luật và Chính sách công**

Học phần Luật và chính sách công nghiên cứu mối quan hệ giữa pháp luật và chính sách công; chính sách và quy phạm hóa chính sách; thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính. Học phần này gồm hai phần, phần thứ nhất nghiên cứu mối quan hệ giữa pháp luật và chính sách công, vai trò của pháp luật đối với chính sách công và vai trò của chính sách công đối với pháp luật; chính sách và quy phạm hóa chính sách thông qua quy trình lập hiến, lập pháp, quy trình lập quy; thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính. Phần thứ hai nghiên cứu tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá chất lượng pháp luật; đánh giá chất lượng pháp luật trong một lĩnh vực về dân sự, về đất đai, về đầu tư, về doanh nghiệp, về thương mại, về giải quyết tranh chấp dân sự, kinh doanh và các lĩnh vực khác do sinh viên lựa chọn.

### **Luật sở hữu trí tuệ**

Học phần đề cập đến khái niệm về quyền Sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và tên gọi xuất xứ hàng hóa; sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp; bí mật kinh doanh; Hợp đồng li-xăng và chuyển giao công nghệ; Thực thi quyền sở hữu trí tuệ; Giới thiệu pháp luật quốc tế về sở hữu trí tuệ.

### **Luật đất đai**

Học phần Luật đất đai tập trung trình bày các nội dung liên quan đến những vấn đề lý luận cơ bản về ngành luật đất đai; Chế độ quản lý nhà nước về đất đai; Chế độ sử dụng đất đai; Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; Các thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất đai; Vi phạm pháp luật về đất đai và trách nhiệm pháp lý áp dụng đối với hành vi vi phạm pháp luật về đất đai; Giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai.

### **Luật môi trường**

Học phần cung cấp những kiến thức chung về môi trường, bảo vệ môi trường bằng pháp luật. Cụ thể là các kiến thức về: vai trò của nhà nước, của pháp luật đối với việc bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường, các khía cạnh pháp lý về phòng chống ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, pháp luật về bảo vệ tài nguyên và đa dạng sinh học, pháp luật quốc tế về bảo vệ môi trường. Học phần này có sự liên quan chặt chẽ đến các học phần như Luật hành chính và Luật dân sự.

### **Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng**

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về: những vấn đề lý luận về bảo vệ người tiêu dùng và pháp luật bảo vệ người tiêu dùng; các thiết chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; trách nhiệm của tổ chức cá nhân kinh doanh hàng hoá dịch vụ đối với người tiêu dùng; chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ người tiêu dùng; phương thức giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với thương nhân.

## **Luật Hợp đồng**

Hợp đồng là một phần trong cuộc sống hàng ngày, phát sinh trong sự hợp tác, tin tưởng, hứa hẹn và tín nhiệm. Luật hợp đồng nghiên cứu các cơ sở lý thuyết, các quy tắc chung đối với tất cả các loại hợp đồng.

Học phần được chia thành hai phần:

- Phần thứ nhất, tập trung vào những nội dung lý thuyết cơ bản của pháp luật hợp đồng.
- Phần thứ hai, pháp luật hợp đồng so sánh tập trung vào so sánh, đánh giá, phân tích các quy phạm pháp luật giữa các quốc gia trên thế giới và Việt Nam.

## **Pháp luật doanh nghiệp nâng cao**

Học phần pháp luật Doanh nghiệp nâng cao dành cho sinh viên năm thứ 4 chuẩn bị ra trường. Học phần tập hợp những kiến thức chuyên sâu trong từng khía cạnh cụ thể liên quan đến doanh nghiệp như mua bán hàng hoá, tài chính doanh nghiệp, pháp luật và hoạt động hành nghề luật

## **Pháp luật về đầu tư nâng cao**

Học phần pháp luật về đầu tư nâng cao dành cho sinh viên năm thứ 4 chuẩn bị ra trường. Học phần tập hợp những kiến thức chuyên sâu trong từng khía cạnh cụ thể liên quan đến đầu tư, đầu tư công, đấu thầu, đầu tư quốc tế và ngành luật liên quan chặt chẽ đến hoạt động đầu tư như pháp luật đất đai, pháp luật môi trường.

## **3.4. Hoạt động hỗ trợ sinh viên**

### **3.4.1. Hoạt động hỗ trợ của cố vấn học tập**

- Tham mưu cho lãnh đạo khoa các vấn đề liên quan đến công tác quản lý đào tạo.
- Đề nghị khen thưởng sinh viên có thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện, kiến nghị xử lý kỷ luật sinh viên theo quy định của Học viện.
- Giáo dục, tuyên truyền sinh viên chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; giáo dục, tuyên truyền sinh viên rèn luyện đạo đức, chấp hành nội quy, quy định và quy chế của Học viện.
- Hướng dẫn cho sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học và câu lạc bộ học thuật; khuyến khích và hướng dẫn sinh viên tham gia các cuộc thi học thuật, nghiên cứu khoa học; tham gia xây dựng, quản lý các câu lạc bộ đội nhóm, phù hợp với các khối ngành nhằm hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập.

### **3.4.2. Các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp**

- Thực hiện mục tiêu đào tạo toàn diện của Nhà trường nhằm đảm bảo tương lai nghề nghiệp lâu dài cho sinh viên.
- Nâng cao nhận thức về trách nhiệm xã hội của sinh viên.
- Trang bị kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết để sinh viên có thể thực hiện tốt các hoạt động xã hội, hoạt động ngoại khóa.
- Rèn luyện cho sinh viên tính năng động, chủ động trong việc hợp tác, tổ chức và dẫn dắt các hoạt động xã hội, hoạt động ngoại khóa.
- Giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm

### ***3.4.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên***

- Mục đích nghiên cứu khoa học của sinh viên nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo; tiếp cận và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học; giải quyết một số vấn đề khoa học và thực tiễn.

- Nghiên cứu khoa học phù hợp với khả năng và nguyện vọng của sinh viên; phù hợp với nội dung của chương trình đào tạo và một số đòi hỏi thực tiễn của xã hội; phù hợp với định hướng hoạt động khoa học và công nghệ của học viện.

- Nghiên cứu khoa học của sinh viên hướng tới nghiên cứu những vấn đề thuộc lĩnh vực được đào tạo; tham gia triển khai áp dụng những tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, đời sống và an ninh quốc phòng; tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, câu lạc bộ khoa học  $\pi$  sinh viên.

## PHẦN 4. MA TRẬN LIÊN KẾT

### 4.1. Ma trận liên kết giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Ký hiệu CDR	CDR của CTĐT	Mục tiêu CTĐT					
			MT 1.1	MT 1.2				MT 1.3
				MT 1.2.1	MT 1.2.2	MT 1.2.3	MT 1.2.4	
1.	CDR 01	Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn	X	X				
2.	CDR 02	Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững và phân tích kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật	X	X			X	
3.	CDR 03	Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu	X	X				
4.	CDR 04	Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách	X	X				
5.	CDR 05	Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, phân tích được sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới	X	X				
6.	CDR 06	Hiểu về nguyên tắc và tổ chức hệ thống cơ quan quản lý hành chính nhà nước, nhân sự trong bộ máy hành chính, vận dụng pháp luật trong thực hiện thủ tục hành chính, xử lý vi phạm hành chính, khiếu nại và tố cáo	X	X				
7.	CDR 07	Hiểu về quan hệ dân sự, vận dụng quy định pháp luật dân sự trong các vấn đề thực tiễn phát sinh liên quan tới giao dịch dân sự, hợp đồng, nghĩa vụ, thừa kế...; hiểu về trình tự tố tụng dân sự	X	X				
8.	CDR 08	Hiểu và vận dụng các quy định về tội phạm, cấu thành tội phạm, trách nhiệm hình sự, hình phạt; hiểu về trình tự tố tụng hình sự	X	X				
9.	CDR 09	Hiểu, vận dụng và có khả năng phân tích pháp luật về các loại hình doanh nghiệp và quy trình thành lập, tái cơ cấu, giải thể, phá sản doanh nghiệp; có khả năng đánh giá tình huống pháp luật doanh nghiệp	X	X			X	
10.	CDR 10	Hiểu, vận dụng và có khả năng phân tích pháp luật về quan hệ thương mại, quyền và nghĩa vụ của	X	X				

		thương nhân; hợp đồng mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; xúc tiến thương mại							
11.	CĐR 11	Hiểu, vận dụng và có khả năng phân tích pháp luật về các hình thức đầu tư, quy trình và thủ tục đầu tư và đầu tư ra nước ngoài, lưu chuyển vốn đầu tư và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, các hiệp định về đầu tư; các hình thức đầu tư có sử dụng vốn của Nhà nước; có khả năng đánh giá tình huống pháp luật đầu tư	X	X				X	
12.	CĐR 12	Hiểu, vận dụng và có khả năng phân tích pháp luật về các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế, xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật trong tư pháp quốc tế; thương mại quốc tế, hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	X	X					
13.	CĐR 13	Hiểu, vận dụng và có khả năng phân tích pháp luật về các lĩnh vực pháp luật khác như: pháp luật đấu thầu; pháp luật lao động, pháp luật sở hữu trí tuệ, đất đai, môi trường, giao dịch điện tử; bảo hiểm; cạnh tranh; tài chính – ngân hàng...	X	X					
14.	CĐR 14	Kỹ năng soạn thảo văn bản: hồ sơ thủ tục hành chính; hợp đồng dân sự, di chúc, đơn khởi kiện và văn bản khác trong quan hệ dân sự; đơn khiếu nại, đơn tố cáo trong quan hệ hành chính	X		X				
15.	CĐR 15	Kỹ năng tư vấn, đàm phán: tư vấn, đàm phán hợp đồng thương mại, hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, giải quyết tranh chấp thương mại	X		X			X	
16.	CĐR 16	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình: hùng biện, phản biện, tranh luận; làm việc nhóm; nghiên cứu khoa học, phát hiện và giải quyết các tình huống pháp lý	X		X				
17.	CĐR 17	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo	X		X			X	
18.	CĐR 18	Có khả năng nghe, nói, đọc viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Có khả năng sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn	X					X	X
19.	CĐR 19	Có phẩm chất chính trị; sức khoẻ tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp	X			X		X	X
20.	CĐR 20	Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao; tinh thần tự chịu trách nhiệm, trung thực; thái độ hợp tác, sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể	X			X			X

#### 4. Ma trận 2: Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Môn học/ Học phần	Chuẩn đầu ra																						
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20			
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm GDTC&amp;QP)</b>																									
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1																	x				
2	KHMI01	Kinh tế vi mô 1			2	2																x			
3	TOĐC06	Tin học đại cương																			x				
4	TOCC05	Toán cao cấp			2																x	x			
5	THML04	Triết học Mác - Lênin	2	1																		x			
6	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1																			x	x	x		
7	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	1		1																x			
8	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1			2	2																	x		
9	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1																			x		
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2																				x	x	x	
11	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1																			x	x	
12	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3																					x	x	x
13	LUKT37	Logic học đại cương		2		1																			
14	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4																					x	x	x
15	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1																				x	x	x
16	GDQP02	Giáo dục quốc phòng																					x	x	
17	GDTC06	Giáo dục thể chất 1																					x	x	
18	GDTC07	Giáo dục thể chất 2																					x	x	
19	GDTC08	Giáo dục thể chất 3																					x	x	



TT	Mã học phần	Môn học/ Học phần	Chuẩn đầu ra																			
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>																						
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>																						
<b>2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc</b>																						
20	LULL07	Lý luận Nhà nước và Pháp luật	2	3			1										x	x		x		
21	LUKT07	Luật Hiến pháp		2			2										x	x		x		
22	CSCS11	Chính sách công				3											x	x				
23	LUKT09	Luật Dân sự						3							x		x	x			x	
24	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ			2												x					
25	QLCD01	Chuyên đề thực tế					2	2							x			x				
<b>2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn</b>																						
26	TCKT01	Nguyên lý kế toán			3		1									x					x	
27	LUKT31	Tư duy pháp lý	2	2															x		x	
28	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1										2					x	x				
29	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế			2		2														x	
30	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh			2														x			
31	LUKT20	Luật Hiến pháp nước ngoài					3						2				x		x			
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>																						
<b>2.2.1. Ngành bắt buộc (Đối với ngành Luật Kinh tế)</b>																						
32	LUKT10	Luật Hành chính		2			3									x			x	x		
33	LUKT08	Luật Hình sự					2		3								x				x	
34	LUKT11	Luật Tố tụng Dân sự						3							x		x	x			x	

TT	Mã học phần	Môn học/ Học phần	Chuẩn đầu ra																			
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
35	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh									1						x		x	x		x
36	LUKT19	Luật thương mại quốc tế										3	2	4						x		
<b>2.2.2. Ngành tự chọn</b>																						
37	LUKT13	Công pháp quốc tế												3						x	x	
38	LUKT21	Pháp luật cộng đồng ASEAN					2							2					x	x		x
39	LUKT14	Tư pháp quốc tế						3			1		3		x	x				x		
40	LUKT24	Luật lao động						2							3	x	x					
41	LUKT36	Luật tố tụng hình sự							3							x			x			
42	TCCK25	Thị trường chứng khoán				2									2			x				
43	LUKT35	Kỹ năng soạn thảo văn bản					2										x	x	x	x	x	
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>																						
<b>2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc</b>																						
44	LUKT12	Pháp luật doanh nghiệp									4					x			x			x
45	LUKT26	Pháp luật về đầu tư											4			x	x		x		x	
46	LUKT18	Luật thương mại						2				3,5				x	x				x	
47	LUKT23	Luật cạnh tranh													2		x	x		x		x
48	LUKT17	Luật đầu tư quốc tế											3	3			x	x		x		
<b>2.3.2. Chuyên ngành tự chọn</b>																						
49	LUKT22	Pháp luật tài chính và ngân hàng					2									3		x			x	x
50	LUCS03	Luật và chính sách công					3	2									x		x	x		x
51	LUKT25	Luật sở hữu trí tuệ							3							3	x		x			x

TT	Mã học phần	Môn học/ Học phần	Chuẩn đầu ra																			
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
52	LUKT28	Luật đất đai						2							3	x		x			x	x
53	LUKT29	Luật môi trường						2							3	x		x		x	x	
54	LUKT32	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng							2			3				x		x			x	
55	LUKT38	Luật Hợp đồng							3			2	2			x	x					x
<b>2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>																						
56	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	2	4												x	x	x	x	x	x	x
57	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp		4												x	x	x	x	x	x	x
58	LUTN01	Pháp luật doanh nghiệp nâng cao									5			2		x	x	x	x	x	x	x
59	LUTN02	Pháp luật về đầu tư nâng cao												5	2		x	x	x	x	x	x

## **PHẦN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

### **5.1. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

#### *5.1.1. Thời gian đào tạo*

Theo Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển.

#### *5.1.2. Cách thức thực hiện*

Theo Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển.

#### *5.1.3. Điều kiện tốt nghiệp*

- Sinh viên hoàn tất chương trình đào tạo được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển.

- Đạt chứng chỉ Tiếng Anh và chứng chỉ Tin học đáp ứng chuẩn đầu ra.

- Đạt chứng chỉ Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất.

### **5.2. Cách thức đánh giá kết quả học tập**

Theo Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển.

### **5.3. Phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá học phần**

- Theo Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển.

- Theo đề cương học phần cụ thể.